

HOSE 18/12/2014

VNINDEX	528.45	10.23	1.97%
KLGD	113,296,932	CP	
GTGD	2,023.47	Tỷ	
GTR NDTNN	-	111.04	Tỷ
CP Tăng giá	187	CP	
CP Giảm giá	50	CP	
CP Đứng giá	67	CP	



HNX 18/12/2014

HNXINDEX	82.70	2.09	2.59%
KLGD	60,558,344	CP	
GTGD	781.80	Tỷ	
GTR NDTNN	14.52	Tỷ	
CP Tăng giá	159	CP	
CP Giảm giá	52	CP	
CP Đứng giá	168	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	578.88	9.17	1.61%
HNX30	161.65	4.56	2.90%

Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu dầu khí bất tăng giúp chỉ số 2 sàn hồi phục**
- ▶ **Thị trường phục hồi mạnh sau 3 phiên giảm, khối lượng giao dịch sụt giảm**
 NĐT Nước ngoài bán ròng mạnh trên sàn HOSE, mua ròng nhẹ trên HNX
- ▶ **Xuất khẩu xi măng và clinker tăng cả lượng và trị giá**
 Sản lượng xi măng của Việt Nam xuất khẩu đã đạt khoảng 19,42 triệu tấn Gafin
- ▶ **Ngành bảo hiểm, mong manh tăng trưởng 10%**
 Stox
- ▶ **Nhật sẽ tung gói kích thích kinh tế 30 tỷ USD**
 Sẽ giữ nguyên kế hoạch phát hành trái phiếu mới Reuters
- ▶ **AAA giảm giá bán hàng đến quý I/2015 do ảnh hưởng từ giá dầu giảm**
 Giá dầu thế giới giảm đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty Gafin
- ▶ **FPT lợi nhuận 11 tháng đạt 93% kế hoạch**
 Phân phối Iphone 6 khiến doanh số FPT tăng vọt trong tháng 11 FPT

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	937,463	12.6	2.4	17.6%	9.0%
HNX	134,491	13.0	1.7	8.6%	4.1%
Toàn bộ thị trường	1,071,954	13.0	2.4	17.4%	8.6%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,879	6.7	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,197	9.2	1.5	17.0%	10.6%
Khai khoáng	34,277	11.7	1.7	21.7%	10.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,346	88.5	6.2	-4.2%	-3.5%
Xây dựng	24,947	13.7	1.5	13.8%	7.6%
Máy công nghiệp	30,775	29.7	1.1	0.7%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,159	8.3	1.2	15.2%	10.3%
Lốp xe	10,269	8.1	1.5	18.6%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	7,887	10.1	2.7	25.5%	11.0%
Thực phẩm	20,963	9.8	1.7	21.1%	7.5%
Dược phẩm	177,193	22.8	4.3	18.4%	14.3%
Phần mềm	15,190	12.1	2.7	22.4%	14.9%
Sản xuất & phân phối điện	15,866	9.5	2.0	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	28,562	9.9	1.5	15.6%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	123,324	10.1	3.2	32.2%	21.8%
Môi giới chứng khoán	23,204	18.5	1.9	10.4%	2.2%
Ngân hàng	25,600	10.9	1.4	10.9%	7.4%
Bất động sản	239,327	11.3	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	151,189	14.8	2.3	17.6%	4.5%
	29,459	6.7	1.4	21.9%	9.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Xuất khẩu xi măng và clinker tăng cả lượng và trị giá

Ngành bảo hiểm, mong manh tăng trưởng 10%

Nhật sẽ tung gói kích thích kinh tế 30 tỷ USD

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

AAA giảm giá bán hàng đến quý I/2015 do ảnh hưởng từ giá dầu giảm

FPT lợi nhuận 11 tháng đạt 93% kế hoạch

IJC ước lãi kỳ lục 188 tỷ đồng quý IV/2014

► Tin kinh tế

Tính đến hết tháng 11 năm 2014, sản lượng xi măng của Việt Nam xuất khẩu đã đạt khoảng 19,42 triệu tấn, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước (gồm cả xi măng và clinker). Con số xuất khẩu xi măng đã vượt mốc kế hoạch khoảng 4 triệu tấn. Bangladesh là thị trường xuất khẩu xi măng lớn nhất của Việt Nam, trị giá 297,52 triệu USD, chiếm 35,4% tổng trị giá xuất khẩu xi măng và clinker trong 11 tháng năm 2014. Giá trị xuất khẩu xi măng 11 tháng thu về 838,31 triệu USD, tăng 17,9%. Đây là nguồn ngoại tệ đáng kể góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước, đồng thời giúp bình ổn cán cân thương mại.

Theo ước tính sơ bộ của Cục Quản lý và giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính), trong năm 2014, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 25.250 tỷ đồng. Khối này đã lấy lại đà tăng trưởng 2 con số, 10.5% sau năm 2013 khá trầm lắng. Ngành bảo hiểm có thêm nhiều cơ hội mới khi bối cảnh kinh tế chung tích cực hơn, trong năm 2014, nhiều cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực bảo hiểm được ban hành, đã và đang tạo ra những cơ hội phát triển cho thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Tuy vậy, bảo hiểm phi nhân thọ còn khá nhiều khó khăn do nhu cầu bảo hiểm tăng chậm, tình trạng nợ phí bảo hiểm vẫn tái diễn, trong khi các khoản nợ phí nhiều năm vẫn chưa thu hồi được. Đặc biệt là các cú sốc tại Bình Dương, Hà Tĩnh tháng 5/2014 với con số thiệt hại lên tới 2.500 tỷ đồng.

Theo Reuters, Nhật Bản sẽ tung gói kích thích có quy mô tới 30 tỷ USD để khôi phục một số khu vực của nước này nhưng cũng sẽ giữ nguyên kế hoạch phát hành trái phiếu mới. Tháng 11 vừa qua, ông Abe đã yêu cầu các bộ trưởng phát thảo gói kích thích và chốt lại kế hoạch vào ngày 27/12. Đây là một phần của các nỗ lực nhằm kéo nền kinh tế ra khỏi cuộc suy thoái bất nguồn từ việc nâng thuế tiêu thụ vào tháng 4/2014. Các gói kích thích tài khóa và tiền tệ khổng lồ được ông Abe triển khai trong năm ngoái đã đẩy giá cổ phiếu tăng cao và khiến đồng JPY suy yếu, qua đó đem lại lợi nhuận bất ngờ cho các nhà sản xuất lớn.

► Tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (HNX: Mã AAA) đã thông qua qua HĐQT về điều chỉnh một số kế hoạch kinh doanh trong quý IV/2014 và quý I/2015 do ảnh hưởng của giá dầu thế giới. Theo ông Nguyễn Lê Trung, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc, do ảnh hưởng của giá dầu thế giới, sự khủng hoảng tại Nga và Ukraina, sự phục hồi yếu của nền kinh tế Châu Âu làm cho việc tiêu thụ hàng hóa đặc biệt là những mặt hàng của Công ty tại thị trường này ngừng trệ. HĐQT cũng đã thông qua việc tiếp tục giảm giá bán hàng trong quý I/2015 để khách hàng tăng sản lượng tiêu thụ thúc đẩy sản xuất cho công ty.

Công ty CP FPT (HOSE: Mã FPT) cho biết, kết thúc 11 tháng, FPT đạt doanh thu 30.857 tỷ đồng, tăng trưởng 24% so với cùng kỳ, đạt 110% kế hoạch lũy kế 11 tháng. Tăng trưởng doanh thu của FPT chủ yếu nhờ các lĩnh vực Xuất khẩu phần mềm (tăng trưởng 37%), Dịch vụ Viễn thông (tăng 19%), Phân phối (tăng 22%) và Bán lẻ (tăng 80%) so với cùng kỳ. Sự kiện iPhone 6 và iPhone 6 Plus được FPT phân phối từ ngày 14/11 khiến doanh thu phân phối iPhone của FPT Trading tăng vọt lên 655 tỷ đồng riêng trong tháng 11, cao xấp xỉ 5 lần so với doanh số trung bình các tháng trước đó. Thị trường nước ngoài tiếp tục đóng góp tích cực về cả doanh thu và lợi nhuận nhờ nỗ lực mở rộng thị trường và chiến lược M&A. Lũy kế 11 tháng, Doanh thu từ hoạt động toàn cầu hóa đạt 3.216 tỷ đồng, tương đương 152 triệu USD, tăng 41% so với cùng kỳ.

Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 17/12/2014 của Công ty cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (mã IJC) thông qua báo của Tổng giám đốc về ước kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014. Theo đó, Công ty đạt 979 tỷ đồng doanh thu thuần, bằng 72% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 239 tỷ đồng, bằng 77% kế hoạch năm. 9 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế của IJC là 50,55 tỷ đồng, tương ứng 188,55 tỷ đồng - mức lợi nhuận theo quỹ cao nhất kể từ trước tới nay. Công ty sẽ đạt Dự kiến trả cổ tức 6-8% vốn điều lệ.

HOSE 18/12/2014 VNINDEX 528.45 10.23 1.97% 113,296,932 CP 2,023.47 bil VND

Cổ phiếu dầu khí bật tăng giúp chỉ số 2 sản hồi phục

VN-Index tăng 10.23 điểm (+1.97%), đóng cửa tại mức 528.45 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, VN-Index tăng điểm trở lại và duy trì từ đầu phiên.

- MACD vẫn đang đi xuống, vì vậy rủi ro giảm điểm của VN-Index vẫn còn.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu mua nhưng vẫn đang nằm trong vùng quá bán.
- RSI (14) gia tăng trở lại và đạt mức 28, đây vẫn đang là vùng quá bán.
- Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật đều đã cho tín hiệu quá bán, việc VN-Index hồi phục trở lại phiên hôm nay phần nào là động thái kỹ thuật.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.7 (7.0%)	13,030,710
PVT	0.3 (2.0%)	6,922,470
ITA	0.2 (2.6%)	5,718,910
OGC	0.2 (2.6%)	4,527,250
VHG	0.8 (7.0%)	4,364,860

HOSE Top 5 theo % tăng

FLC	0.7 (7.0%)	13,030,710
GIL	2.2 (7.0%)	65,060
DTL	0.6 (7.0%)	200
VHG	0.8 (7.0%)	4,364,860
PXS	1.4 (6.9%)	772,630

HOSE Top 5 theo % giảm

HOT	-2 (-6.9%)	150
HVG	-1.8 (-6.7%)	3,620,580
RDP	-1.1 (-6.6%)	18,570
CCI	-0.8 (-6.5%)	730
DQC	-4 (-6.5%)	137,980

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

SSI	41,3 tỷ	1,452,570
HVG	3,5 tỷ	144,250
MWG	3,3 tỷ	33,300
GAS	2,6 tỷ	41,050
NBB	2,5 tỷ	121,640

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

STB	-44,8 tỷ	2,791,370
MSN	-24,9 tỷ	316,870
PPC	-24,8 tỷ	990,620
HAG	-14,4 tỷ	666,870
BVH	-14,3 tỷ	424,910

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-6,297,060	- 111.04

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường duy trì sự tích cực ngay từ đầu phiên, nhóm cổ phiếu dầu khí tỏ ra tích cực nhất. VN-Index hồi phục sau 3 phiên giảm điểm mạnh liên tục.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 94 triệu cổ phiếu. Nhìn chung dòng tiền vẫn duy trì được sự tích cực, lực cầu bắt đáy chính là yếu tố giúp thị trường hồi phục.
- ▶ Khối ngoại bán ròng tương đối mạnh với giá trị bán ròng 111 tỷ. Khối này mua vào 243,5 tỷ đồng trong khi bán ra 354,62 tỷ đồng.
- ▶ Lực cầu bắt đáy gia tăng, cùng với lực hồi kỹ thuật giúp VN-Index hồi phục. Nhiều khả năng VN-Index sẽ tìm điểm cân bằng ở vùng 535 - 555 điểm.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc tăng tỷ trọng cổ phiếu chỉ nên diễn ra khi thanh khoản gia tăng dần và chỉ số hồi phục.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	66.0	125,070.00	10.2	3.3	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	94.0	94,011.15	15.9	5.1	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	30.4	81,016.62	17.6	1.9	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.1	68,509.55	16.8	3.6	21.1%	4.6%
MSN	735.8	79.0	58,128.84	- 457.0	4.1	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	13.9	51,755.32	9.5	0.9	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.9	36,264.51	8.0	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	48.3	23,276.16	7.3	2.0	30.2%	14.7%
BVH	680.5	33.0	22,455.56	18.5	1.9	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	16.0	18,280.19	7.8	1.1	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.2	749.70	11.8	0.8	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.9	849.00	23.6	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.5	2,252.78	6.8	1.2	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.0	3,228.97	9.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.8	656.10	5.2	0.6	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.5	566.00	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 18/12/2014 HNX-Index 82.70 2.09 2.59% 60,558,344 CP **781.80** bil. VND

Cổ phiếu dầu khí bật tăng giúp chỉ số 2 sản hồi phục

Chỉ số HNX-Index giảm 2.02 điểm (-2.45%), đóng cửa tại mốc 80.61 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ thân ngắn, HNX-Index giảm điểm mạnh tuy nhiên có chút hồi phục lúc đóng cửa.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục lùi sâu và đi vào vùng quá bán.
- MACD vẫn cho dấu hiệu rất xấu.
- MA20 bắt đầu cắt xuống MA100, điều này cho thấy rủi ro giảm điểm của HNX-Index vẫn còn rất lớn.
- Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật đều đang quá bán, tuy nhiên rủi ro giảm điểm vẫn còn khá lớn.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	KLGD (%)	Giá trị
KLF	0.9 (7.5%)	8,728,600
PVS	2.3 (9.7%)	4,404,060
PVX	0.4 (8.0%)	3,998,960
AAA	-1.5 (-9.6%)	3,578,400
SHB	0.1 (1.2%)	3,205,850

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá trị
CTB	4.5 (14.8%)	-
DNP	2.6 (10.0%)	200
LM3	0.3 (10.0%)	100
PVC	2.3 (10.0%)	2,035,400
PVE	0.9 (10.0%)	332,000

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá trị
VAT	-0.9 (-10.0%)	100
VTC	-0.5 (-10.0%)	110
SDC	-1.4 (-9.7%)	10,000
HDA	-1 (-9.7%)	100
L14	-2.8 (-9.6%)	26,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Mua ròng (tỷ)	Giá trị (tỷ)
PVS	12,3	491,600
PVC	4,7	189,300
BCC	1,8	121,700
VND	1,4	111,600
API	1,1	73,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Bán ròng (tỷ)	Giá trị (tỷ)
PGS	-2,8	104,000
SHB	-1,8	222,900
LAS	-0,7	21,000
AAA	-0,5	28,900
SDT	-0,3	22,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	556,095	14.52

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường duy trì sự tích cực ngay từ đầu phiên, nhóm cổ phiếu dầu khí tỏ ra tích cực nhất. HNX-Index hồi phục sau 3 phiên giảm điểm mạnh liên tục.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 50 triệu cổ phiếu. Nhìn chung dòng tiền vẫn duy trì được sự tích cực, lực cầu bắt đáy chính là yếu tố giúp thị trường hồi phục.
- ▶ Khối ngoại mua ròng khá tốt ở sàn này với giá trị 14,52 tỷ đồng. Khối này mua vào 47,94 tỷ đồng trong khi bán ra 33,42 tỷ đồng.
- ▶ Lực cầu bắt đáy gia tăng, cùng với lực hồi kỹ thuật giúp HNX-Index hồi phục. Nhiều khả năng HNX-Index sẽ tìm điểm cân bằng ở vùng 82 - 85 điểm.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc tăng tỷ trọng cổ phiếu chỉ nên diễn ra khi thanh khoản gia tăng dần và chỉ số hồi phục.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
ACB	909.8	15.4	14,010.62	25.8	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	26.1	11,658.88	6.4	1.2	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.2	7,265.88	8.9	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.6	5,565.55	8.4	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.5	3,940.27	12.6	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	22.0	2,883.67	8.4	1.0	12.8%	5.4%
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.1	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	33.4	2,599.59	7.0	2.0	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.7	1,052.60	6.1	1.0	NA	TH.DOI
AAA	39.6	14.1	558.36	5.9	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.5	1,937.48	10.4	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	51.0	2,873.30	7.1	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	25.3	1,265.00	5.8	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	39.1	307.91	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,128.84	15.22%	79.0	- 456.97	4.06	221,018	166,171	171,513
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	12.53%	47.1	16.84	3.55	1,033,204	1,009,654	1,612,850
PVD	HOSE	303.0	17,727.66	11.71%	58.5	6.95	1.51	1,358,907	1,180,280	717,805
HPG	HOSE	481.9	23,276.16	11.57%	48.3	7.29	2.01	544,277	509,700	541,316
HAG	HOSE	789.9	17,140.81	7.45%	21.7	8.86	1.15	3,486,673	3,110,400	3,732,823
KDC	HOSE	255.2	12,247.73	7.00%	48.0	19.49	1.78	1,218,698	1,172,711	929,486
STB	HOSE	1,142.5	18,280.19	5.69%	16.0	7.79	1.08	289,529	265,738	306,156
VCB	HOSE	2,665.0	81,016.62	5.16%	30.4	17.56	1.87	838,617	615,942	440,420
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	4.04%	30.2	9.52	1.24	913,016	885,139	606,673
KBC	HOSE	389.8	6,080.26	2.83%	15.6	14.15	1.14	2,884,353	2,989,149	4,764,179
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	2.64%	8.0	45.92	0.71	6,486,984	6,160,966	6,323,712
HSG	HOSE	96.3	4,420.77	1.95%	45.9	10.52	1.81	193,838	148,416	312,444
BVH	HOSE	680.5	22,455.56	1.83%	33.0	18.46	1.94	139,736	182,092	204,712
HVG	HOSE	132.0	3,286.80	1.55%	24.9	12.05	1.46	1,018,661	969,791	1,523,444
FLC	HOSE	314.9	3,369.36	1.53%	10.7	5.87	0.83	11,385,122	17,678,707	14,713,942
PPC	HOSE	318.2	8,112.94	1.47%	25.5	11.06	1.50	710,322	438,048	351,578
DRC	HOSE	83.1	4,361.38	1.41%	52.5	12.98	3.13	110,937	97,834	100,643
PVT	HOSE	255.9	3,837.86	1.37%	15.0	12.73	1.23	2,306,135	2,570,136	2,188,185
CSM	HOSE	67.3	2,718.60	1.32%	40.4	7.68	2.10	45,726	64,404	129,013
VSH	HOSE	206.2	2,804.88	1.16%	13.6	19.15	1.04	301,054	337,566	423,898
OGC	HOSE	300.0	2,400.00	0.56%	8.0	13.57	0.72	5,228,609	5,557,257	5,870,392

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,128.84	8.53%	79.0	- 456.97	4.06	221,018	166,171	171,513
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	7.57%	47.1	16.84	3.55	1,033,204	1,009,654	1,612,850
VCB	HOSE	2,665.0	81,016.62	7.13%	30.4	17.56	1.87	838,617	615,942	440,420
STB	HOSE	1,142.5	18,280.19	6.62%	16.0	7.79	1.08	289,529	265,738	306,156
PVS	HNX	446.7	11,658.88	5.75%	26.1	6.41	1.22	3,897,945	3,206,954	2,786,587
BVH	HOSE	680.5	22,455.56	4.51%	33.0	18.46	1.94	139,736	182,092	204,712
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	4.25%	30.2	9.52	1.24	913,016	885,139	606,673
HAG	HOSE	789.9	17,140.81	4.04%	21.7	8.86	1.15	3,486,673	3,110,400	3,732,823
PVD	HOSE	303.0	17,727.66	3.90%	58.5	6.95	1.51	1,358,907	1,180,280	717,805
PPC	HOSE	318.2	8,112.94	3.14%	25.5	11.06	1.50	710,322	438,048	351,578
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	3.29%	8.0	45.92	0.71	6,486,984	6,160,966	6,323,712
FLC	HOSE	314.9	3,369.36	2.85%	10.7	5.87	0.83	11,385,122	17,678,707	14,713,942
SHB	HNX	886.1	7,265.88	2.54%	8.2	8.87	0.69	4,799,590	3,560,273	3,857,392
VCG	HNX	441.7	5,565.55	2.12%	12.6	8.36	0.98	1,826,353	1,738,418	1,528,238
PVT	HOSE	255.9	3,837.86	1.78%	15.0	12.73	1.23	2,306,135	2,570,136	2,188,185
OGC	HOSE	300.0	2,400.00	143.00%	8.0	13.57	0.72	5,228,609	5,557,257	5,870,392
DRC	HOSE	83.1	4,361.38	1.00%	52.5	12.98	3.13	110,937	97,834	100,643
IJC	HOSE	274.2	3,811.30	0.65%	13.9	21.85	1.28	947,713	652,396	678,222
PVX	HNX	400.0	2,160.00	0.00%	5.4	- 2.18	2.17	4,709,463	4,757,066	6,720,300

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	0.00%	47.1	16.84	3.55	1,033,204	1,009,654	1,612,850
MSN	HOSE	735.8	58,128.84	0.00%	79.0	-456.97	4.06	221,018	166,171	171,513
DPM	HOSE	379.9	11,474.01	0.00%	30.2	9.52	1.24	913,016	885,139	606,673
HAG	HOSE	789.9	17,140.81	0.00%	21.7	8.86	1.15	3,486,673	3,110,400	3,732,823
VCB	HOSE	2,665.0	81,016.62	0.00%	30.4	17.56	1.87	838,617	615,942	440,420
STB	HOSE	1,142.5	18,280.19	0.00%	16.0	7.79	1.08	289,529	265,738	306,156
BVH	HOSE	680.5	22,455.56	0.00%	33.0	18.46	1.94	139,736	182,092	204,712
CTG	HOSE	3,723.4	51,755.32	0.00%	13.9	9.46	0.94	301,418	245,798	272,126
GAS	HOSE	1,895.0	125,070.00	0.00%	66.0	10.19	3.32	865,305	718,894	515,230

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,128.84	4.01%	79.0	-456.97	4.06	221,018	166,171	171,513
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	2.27%	47.1	16.84	3.55	1,033,204	1,009,654	1,612,850
PVD	HOSE	303.0	17,727.66	4.39%	58.5	6.95	1.51	1,358,907	1,180,280	717,805
STB	HOSE	1,142.5	18,280.19	0.89%	16.0	7.79	1.08	289,529	265,738	306,156
VCB	HOSE	2,665.0	81,016.62	1.28%	30.4	17.56	1.87	838,617	615,942	440,420
BVH	HOSE	680.5	22,455.56	1.79%	33.0	18.46	1.94	139,736	182,092	204,712

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

18 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,879	6.7	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,197	9.2	1.5	17.0%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,621	13.9	0.9	5.6%	2.3%
Sản xuất giấy	856	6.2	1.0	14.2%	7.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,277	11.7	1.7	21.7%	10.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,909	3.5	1.0	21.9%	5.2%
Khai khoáng	12,346	88.5	6.2	-4.2%	-3.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,947	13.7	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	30,775	29.7	1.1	0.7%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,142	9.3	1.1	15.7%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	944	6.2	1.0	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,527	7.8	1.4	18.4%	6.5%
Thiết bị điện	2,037	31.4	1.3	3.1%	0.7%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	66	21.7	0.9	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,159	8.3	1.2	15.2%	10.3%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,711	2.9	1.0	4.9%	1.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,269	8.1	1.5	18.6%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,681	4.3	1.5	23.1%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,448	17.4	1.8	8.6%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	255	13.2	0.8	6.7%	2.5%
Nhà cung cấp thiết bị	192	8.8	0.9	12.7%	5.0%
Chất thải & Môi trường	209	3.2	1.0	34.1%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,239	13.4	1.3	14.9%	7.3%
Lốp xe	7,887	10.1	2.7	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,809	8.0	1.4	17.9%	9.5%
Vang & Rượu mạnh	315	15.8	2.1	14.7%	9.9%
Đồ uống & giải khát	228	6.4	1.1	14.7%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	20,963	9.8	1.7	21.1%	7.5%
Thực phẩm	177,193	22.8	4.3	18.4%	14.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,829	7.7	1.3	19.0%	9.0%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	522	62.9	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,677	8.4	1.6	19.1%	7.5%
Giày dép	12	1.7	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,211	10.5	1.9	18.4%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	676	9.7	1.0	2.5%	4.9%

18 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,890	9.3	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	227	9.7	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,190	12.1	2.7	22.4%	14.9%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	283	-	45.0	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	752	10.5	1.3	13.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,649	9.2	1.7	19.2%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,119	9.2	1.0	10.1%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,658	55.5	2.5	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,631	20.0	1.3	10.5%	8.7%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,626	17.7	3.3	23.4%	19.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	731	10.9	0.9	9.0%	3.3%
Internet	355	74.9	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	15,866	9.5	2.0	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	469	16.0	0.8	4.5%	1.8%
Thiết bị văn phòng	294	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,125	35.0	6.8	33.9%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,562	9.9	1.5	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	123,324	10.1	3.2	32.2%	21.8%
Nước	1,230	6.6	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,494	8.9	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,704	11.4	0.7	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,687	8.4	1.0	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	23,204	18.5	1.9	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,650	9.3	1.2	14.5%	9.4%
Môi giới chứng khoán	25,600	10.9	1.4	10.9%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	239,327	11.3	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	151,189	14.8	2.3	17.6%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	29,459	6.7	1.4	21.9%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.